

ことばをふやそう／Danh sách từ vựng mở rộng

◆第21課 きそくをきく—余暇—

Bài 21 Cách hỏi về nội quy – Thời gian rảnh rỗi –

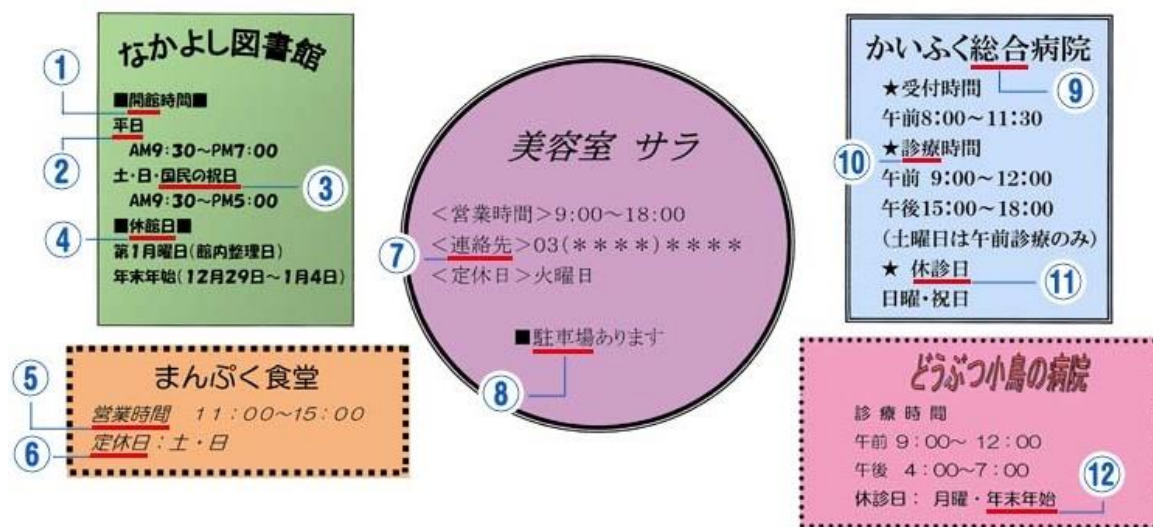


1. いろいろなしせつ／Các địa điểm giải trí



①	どうぶつえん 動物園	MP3 21-v0101	vườn bách thú
②	ゆうえんち 遊園地	MP3 21-v0102	khu vui chơi giải trí
③	びじゅつかん 美術館	MP3 21-v0103	triển lãm mỹ thuật
④	ゲームセンター	MP3 21-v0104	trung tâm trò chơi
⑤	すいぞくかん 水族館	MP3 21-v0105	thủy cung
⑥	はくぶつかん 博物館	MP3 21-v0106	bảo tàng
⑦	カラオケボックス	MP3 21-v0107	cửa hàng karaoke
⑧	としょかん 図書館	MP3 21-v0108	thư viện
⑨	ボウリング場 じょう	MP3 21-v0109	khu chơi bowling
⑩	バッティングセンター	MP3 21-v0110	khu tập đánh bóng chày
⑪	プール	MP3 21-v0111	bể bơi
⑫	えいがかん 映画館	MP3 21-v0112	rạp chiếu phim

かんばん
2. 看板/Biên hiệu



①	かいかん 開館	MP3 21-v0201	mở cửa
②	へいじつ 平日	MP3 21-v0202	ngày thường
③	こくみん しゅくじつ 国民の祝日	MP3 21-v0203	ngày nghỉ lễ quốc gia
④	きゅうかん び 休館日	MP3 21-v0204	ngày đóng cửa
⑤	えいぎょうじ かん 営業時間	MP3 21-v0205	thời gian mở cửa
⑥	ていきゅうび 定休日	MP3 21-v0206	ngày nghỉ cố định
⑦	れんらくさき 連絡先	MP3 21-v0207	địa chỉ liên lạc
⑧	ちゅうしゃじょう 駐車場	MP3 21-v0208	nơi đỗ xe
⑨	そうごう 総合	MP3 21-v0209	tổng hợp
⑩	しんりょう 診療	MP3 21-v0210	khám chữa bệnh
⑪	きゅうしん び 休診日	MP3 21-v0211	ngày nghỉ khám
⑫	ねんまつねんし 年末年始	MP3 21-v0212	ng nghỉ tết